

Phụ Chú Giải Tạng Luật – Hai Mẫu Đề – Phẩm Về Các Giới Phải Thù Tội (Tỳ-khuru-ni)

Pāṭidesanīyakaṇḍo

Phẩm Ưng Phát Lộ

1. Sappiviññāpanasikkhāpadavaṇṇanā

1. Chú giải về điều học xin bơ

Pāṭidesanīyesu paṭhame **sappinti** pubbe vuttavinicchayaṃ pāḷiāgataṃ (pāci. 1230) gosappiādimeva. **Viññāpetvā bhuñjeyyāti** ettha “viññattiyā paṭiladdhaṃ bhuñjissāmī”ti gahaṇe dukkaṭaṃ, gahitassa ajjhohāre ajjhohāre pāṭidesanīyaṃ.

Ở trong các pháp Ưng Phát Lộ, trong điều học thứ nhất, **bơ** chính là bơ được làm từ sữa bò v.v... đã có sự phân tích được nêu ở trước và đã được ghi nhận ở trong Pāli (pāci. 1230). Ở đây, câu **sau khi xin mà ăn** có nghĩa là: trong khi nhận lấy (với ý nghĩ) rằng: “Ta sẽ ăn vật đã được nhận do sự xin,” thì phạm tội Tác Ác. Khi nuốt vào vật đã được nhận lấy, thì phạm tội Ưng Phát Lộ ở mỗi miếng ăn.

Sāvatthiyaṃ chabbaggiyā bhikkhuniyo ārabha sappiṃ viññāpetvā bhuñjanavattusmiṃ paññattaṃ, “agilānā”ti ayamettha anupaññatti, tikapāṭidesanīyaṃ, gilānāya dvikadukkaṭaṃ. Yā pana gilānā gilānasaññā, gilānakāle vā viññāpetvā pacchā agilānā hutvā bhuñjati, gilānāya vā sesakaṃ, ñātakappavāritatthānato vā viññattaṃ, aññassa vā atthāya, attano vā dhanena gahitaṃ bhuñjati, tassā, ummattikādīnañca anāpatti. Vuttalakkhaṇasappitā, anuññātakāraṇābhāvo, viññatti, ajjhohāroti imānettha cattāri aṅgāni. Samuṭṭhānādīni addhānasadisānīti.

(Học giới này) đã được chế định ở Sāvatthī, liên quan đến các Tỳ-khuru-ni thuộc nhóm sáu vị, trong trường hợp sau khi xin bơ rồi ăn. “Không phải bị bệnh” là phần bổ túc ở đây; là pháp Ưng Phát Lộ có ba chi. Đối với vị bị bệnh thì có hai tội Tác Ác. Vị nào bị bệnh, có nhận thức là bị bệnh, hoặc đã xin trong lúc bị bệnh rồi sau đó hết bệnh mới ăn, hoặc ăn phần còn lại của vị bị bệnh, hoặc vật đã được xin từ nơi của quyến thuộc hay từ nơi đã được cho phép, hoặc (xin) vì lợi ích của người khác, hoặc ăn vật đã được mua bằng tài sản của mình, đối với vị ấy và đối với các vị bị điên cuồng v.v... là vô tội. Việc có đặc điểm là bơ đã được nói đến, việc không có lý do đã được cho phép, sự xin, và sự nuốt vào, bốn yếu tố này là ở đây. Phần sanh khởi v.v... tương tự như (điều học) Addhāna.

Sappiviññāpanasikkhāpadavaṇṇanā niṭṭhitā.

Dứt phần chú giải về điều học xin bơ.

2. Telaviññāpanādisikkhāpadavaṇṇanā

2. Chú giải về điều học xin dầu v.v...

Dutiyādisupi **telādīni** pubbe vuttavinicchayāni pāḷiyaṃ (pāci. 1236) āgatāneva, pāḷiyaṃ anāgatesu pana aṭṭhasupi dukkaṭameva. Sesam sabbattha paṭhame vuttasadisamevāti.

Ở trong các điều học thứ nhì v.v... cũng vậy, **dầu** v.v... chính là những thứ đã được ghi nhận trong Pāḷi (pāci. 1236) và đã có sự phân tích được nói ở trước. Tuy nhiên, đối với cả tám loại không được ghi nhận trong Pāḷi thì chỉ phạm tội Tác Ác. Phần còn lại ở tất cả mọi nơi đều tương tự như đã được nói ở điều học thứ nhất.

Telaviññāpanādisikkhāpadavaṇṇanā niṭṭhitā.

Dứt phần chú giải về điều học xin dầu v.v...

Kaṅkhāvitarāṇiyā pātimokkhavaṇṇanāya

Trong bộ Chú Giải Giới Bốn tên là Kaṅkhāvitarāṇī

Bhikkhunipātimokkhe

Trong Giới Bốn của Tỳ-khưu-ni

Pāṭidesanīyavaṇṇanā niṭṭhitā.

Dứt phần chú giải các pháp Ưng Phát Lộ.

1. Parimaṇḍalādisikkhāpadavaṇṇanā

1. Chú giải về điều học mặc y cho tròn vẹn v.v...

Ito parama pana sekhiyāni ceva adhikaraṇasamathā ca sabbapakārato bhikkhupātimokkhavaṇṇanāyaṃ vuttanayeneva veditabbāti.

Sau đây, các pháp Ưng Học và các pháp Dàn Xếp Tranh Cãi nên được hiểu theo phương pháp đã được trình bày trong phần Chú Giải Giới Bốn của Tỳ-khưu về tất cả các phương diện.

Kaṅkhāvitarāṇiyā pātimokkhavaṇṇanāya

Trong bộ Chú Giải Giới Bốn tên là Kaṅkhāvitarāṇī

Bhikkhunipātimokkhavaṇṇanā niṭṭhitā.

Dứt phần chú giải Giới Bốn của Tỳ-khưu-ni.

Nigamanakathā**Lời kết****Ettāvatā ca –****Và như vậy –**

Vaṇṇanam pātimokkhasa, **soṇattherena** yācito;

Do trưởng lão **Soṇa** thỉnh cầu, bộ Chú Giải Giới Bốn này;

Vinaye jātaṅkhaṇam, **kaṅkhāvitaraṇatthiko**.

Vì lợi ích muốn làm cho các vị đã sanh hoài nghi trong tạng Luật được vượt qua (hoài nghi).

Ārabhiṃ yamaṃ sabbam, **sīhaḷaṭṭhakathānayaṃ;**

Mahāvihāravāsīnam, vācanāmagganissitam.

(Bộ Chú giải) mà tôi đã bắt đầu này, toàn bộ theo phương pháp của Chú Giải bằng tiếng Sīhaḷa;

Nương theo đường lối khẩu truyền của các vị ở Đại Tự.

Nissāya sā ayaṃ niṭṭham, gatā ādāya sabbaso;

Sabbam aṭṭhakathāsāram, pāḷiyatthañca kevalam.

Dựa vào đó, bộ (chú giải) này đã được hoàn tất, bằng cách tiếp thu tất cả;

Toàn bộ tinh hoa Chú Giải và chỉ có ý nghĩa của Pāḷi.

Na hettha taṃ padaṃ atthi, yaṃ virujjheyya pāḷiyā;

Mahāvihāravāsīnam, porāṇaṭṭhakathāhi vā.

Ở đây không có từ ngữ nào lại mâu thuẫn với Pāḷi;

Hoặc với các Chú Giải xưa của các vị ở Đại Tự.

Yasmā tasmā akatvāva, ettha kaṅkham hitesinā;

Sikkhitabbāva sakkaccaṃ, **kaṅkhāvitaraṇī ayaṃ.**

Bởi thế, người mưu cầu lợi ích không nên có sự hoài nghi ở đây;

Nên kính cẩn học tập bộ **Kaṅkhāvitaraṇī (Vượt Qua Hoài Nghi)** này.

Yathā ca niṭṭham sampattā, kaṅkhāvitaraṇī ayaṃ;

Dvāḷisati bhāṇavārapaamāṇāya pāḷiyā.

Và bộ Kaṅkhāvitaraṇī này đã được hoàn tất;

Với bản Pāḷi có dung lượng hai mươi hai tạng phẩm.

Evam anantarāyena, niṭṭham kalyāṇanissitā;

Aciraṃ sabbasattānaṃ, yantu sabbe manorathāti.

Cũng vậy, không bị trở ngại, nương nhờ điều thiện;

Mong rằng tất cả các ước nguyện của tất cả chúng sanh sẽ sớm được thành tựu.

Paramavisuddhasaddhābuddhivīriyappaṭimaṇḍitena

sīlācārajjavamaddavādiguṇasamudayasamuditena

sakasamayasaṃmayantaragahanajjhogāhaṇasamatthena paññāveyyattiyasaṃnāgatenā

tipiṭakapariyattippabhede sātṭhakathe satthusāsane appaṭihatañāṇappabhāvena

mahāveyyākaraṇena

karaṇasampattijanitasuviniggatamadhaurodāravacanālāvaṇṇayuttana yuttamuttavādinā

vādīvarena mahākavinā pabhinnaṭṭisambhidāparivāre

chaḷabhiññāḍippabhedaguṇappaṭimaṇḍite uttarimanussadhamme

suppaṭiṭṭhitabuddhīnaṃ theravaṃsappadīpānaṃ therānaṃ mahāvihāravāsīnaṃ

vaṃsālaṅkārabhūtena vipulavisuddhabuddhinā **buddhaghosoti garūhi**

gahitaṇāmadheyyena therena katā ayaṃ **kaṅkhāvitaraṇī nāma pātimokkhavaṇṇanā -**

Bộ chú giải Giới Bổn tên là **Kaṅkhāvitaraṇī** này được soạn bởi trưởng lão có danh hiệu do các bậc tôn trưởng đặt cho là **Buddhaghosa**, là vị được trang điểm bởi đức tin, trí tuệ, và tinh tấn vô cùng trong sạch, là vị hội đủ các đức tánh như giới hạnh, tư cách ngay thẳng, tánh tình nhu hòa v.v..., là vị có khả năng thâm nhập vào những điều sâu xa của tự giáo và tha giáo, là vị được phú bẩm sự thông minh sáng suốt, là vị có trí tuệ và sự rạn rở không bị trở ngại trong giáo pháp của bậc Đạo Sư gồm cả Chú Giải và có sự phân loại là Tam Tạng, là vị Đại Thông Phiền, là vị có lời nói duyên dáng ngọt ngào và rõ ràng được sanh ra từ sự thành tựu về phương tiện, là vị có lời nói hợp lý và phi lý, là vị đứng đầu các nhà hùng biện, là vị Đại Thi Hào, là vị làm vật trang sức cho dòng dõi của các bậc trưởng lão là những ngọn đèn của dòng Theravāda, các vị trú ở Đại Tự (Mahāvihāra), những vị có trí tuệ được thiết lập vững chắc trong pháp siêu nhân được trang hoàng bởi các đức tánh có sự phân loại như sáu Thắng Trí v.v... được bao bọc bởi Vô Ngại Giải Trí đã được phân tích, là vị có trí tuệ rộng lớn và trong sạch -

Tāva tiṭṭhatu lokasmiṃ, lokanittaraṇesinaṃ;

Dassenti kulaputtānaṃ, nayaṃ sīlavisuddhiyā.

Mong rằng (bộ Chú giải này) sẽ tồn tại lâu dài trên thế gian, cho những người tìm cầu sự giải thoát khỏi thế gian;

Chỉ ra cho các thiện gia nam tử con đường đưa đến sự trong sạch về giới hạnh.

Yāva “buddho”ti nāmaṃpi, suddhacittassa tādino;

Lokamhi lokajetṭhassa, pavattati mahesinoti.

Chùng nào danh hiệu “Phật,” của bậc có tâm thanh tịnh, bậc như vậy;
Của bậc Tối Thắng trong thế gian, của bậc Đại Sĩ, còn lưu hành trên thế gian.

Kaṅkhāvitaraṇī-aṭṭhakathā niṭṭhitā.

Dứt bộ chú giải Kaṅkhāvitaraṇī.